

Bản án số: 53/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 22-9-2023

V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Kim Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hòa;

Ông Nguyễn Văn Độ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Phương, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 156/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2023 về ly hôn và tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 116/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mỹ Ú, sinh năm 1985; cư trú tại: thôn B, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên, vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Hồ Thanh H, sinh năm 1989; cư trú tại: ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 06 tháng 7 năm 2023 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ Ú trình bày:

Về hôn nhân: chị Ú và anh Hồ Thanh H bắt đầu chung sống với nhau năm 2012, không tổ chức đám cưới nhưng có đăng ký kết hôn ngày 28 tháng 3 năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên; hôn nhân tự nguyện.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống ở **ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương** cùng gia đình anh **H**. Quá trình chung sống, vợ chồng cũng có hạnh phúc và cũng có mâu thuẫn. Được một năm đầu, anh **H** mỗi khi nóng giận thì anh **H** đánh chị **Ú**. Đến năm 2018, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng hơn. Chị **Ú** nghi ngờ anh **H** ngoại tình nên về nhà thường gây sự đánh chị **Ú** và đuổi chị **Ú** đi. Chị **Ú** không chịu đựng nổi nên khoảng tháng 01 năm 2018, chị **Ú** dẫn con ra ngoài ở trọ. Đến khoảng năm 2021, chị **Ú** dẫn con về nhà cha mẹ ở Phú Yên sống đến nay. Vợ chồng ly thân khoảng gần sáu năm nay. Nay chị **Ú** không còn tình cảm với anh **H** nên yêu cầu được ly hôn với anh **H**.

Về nuôi con chung: quá trình chung sống, chị **Ú** và anh **H** có một con chung tên **Hồ Thanh H1**, sinh ngày 20 tháng 5 năm 2012, cháu **H1** đang sống cùng chị **Ú**. Chị **Ú** yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh **H** cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản và nợ chung: chị **Ú** không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh **Hồ Thanh H** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia phiên tòa nhưng anh **H** đều vắng mặt không lý do. Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh **H**.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án: quá trình giải quyết vụ án, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn chị **Ú** vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Bị đơn anh **H** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh **H**.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Về hôn nhân: hôn nhân của chị **Ú** và anh **H** là hôn nhân hợp pháp. Chị **Ú** khai nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do anh **H** hay đánh chị **Ú**. Năm 2018, anh **H** đánh và đuổi chị **Ú** đi. Chị **Ú** dẫn con ra ngoài ở trọ; đến năm 2021, chị **Ú** dẫn con về tỉnh Phú Yên sống đến nay. Do vợ chồng ly thân khoảng gần sáu năm nay

nên chị **Ú** khởi kiện yêu cầu ly hôn anh **H** theo khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Theo Biên bản xác minh ngày 14 tháng 7 năm 2023 do Tòa án lập tại **Công an xã L, huyện B** (bút lục số 44), anh **H** vẫn đăng ký thường trú tại **tổ A, ấp L, xã L, huyện B**; khoảng một năm nay anh **H** đi đâu, làm gì ở đâu không trình báo nên **Công an xã L** không nắm rõ; quá trình sinh sống tại địa phương, anh **H** có sử dụng bồ đề và thường xuyên trộm cắp vật. Như vậy, có cơ sở xác định, lời khai của chị **Ú** về mâu thuẫn vợ chồng, chị **Ú** và anh **H** đã sống ly thân với nhau là có căn cứ. Chị **Ú** với anh **H** là vợ chồng nhưng không sống chung với nhau là đã không giữ gìn tình nghĩa vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Anh **H** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh **H** bỏ mặc không tham gia tố tụng, không trình bày ý kiến tại Tòa đối với yêu cầu ly hôn của chị **Ú**.

Xét thấy, hôn nhân của chị **Ú** và anh **H** đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị **Ú**, quyết định cho chị **Ú** và anh **H** ly hôn.

Về nuôi con chung:

Chị **Ú** và anh **H** có một con chung tên **Hồ Thanh H1**, sinh ngày 20 tháng 5 năm 2012, chị **Ú** yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh **H** cấp dưỡng nuôi con. Xét cháu **H1** đang sống cùng chị **Ú**; cháu **H1** hơn 11 tuổi và có nguyện vọng ở với chị **Ú**. Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị **Ú**, anh **H** có trách nhiệm giao cháu **H1** cho chị **Ú** trực tiếp nuôi theo quy định khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Chị **Ú** không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh **H** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình. Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và giải quyết về cấp dưỡng khi có yêu cầu theo quy định tại Điều 84, Điều 107 và Điều 119 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về chia tài sản và nợ chung: chị **Ú** và anh **H** không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án là phù hợp.

[4] Về án phí: chị **Ú** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 84, Điều 107 và Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Nguyễn Thị Mỹ Ú** đối với anh **Hồ Thanh H** về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con.

Về hôn nhân: cho chị **Nguyễn Thị Mỹ Ú** ly hôn anh **Hồ Thanh H**.

Về nuôi con chung: anh **Hồ Thanh H** có trách nhiệm giao con chung tên **Hồ Thanh H1**, sinh ngày 20 tháng 5 năm 2012 cho chị **Nguyễn Thị Mỹ Ú** trực tiếp nuôi. Chị **Nguyễn Thị Mỹ Ú** không yêu cầu anh **Hồ Thanh H** cấp dưỡng nuôi con.

Anh **Hồ Thanh H** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và giải quyết về cấp dưỡng khi có yêu cầu.

Về chia tài sản và nợ chung: chị **Nguyễn Thị Mỹ Ú** và anh **Hồ Thanh H** không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: chị **Nguyễn Thị Mỹ Ú** phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị **Nguyễn Thị Mỹ Ú** đã nộp theo biên lai số AA/2021/0010330 ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương. Chị **Nguyễn Thị Mỹ Ú** đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng;
- UBND xã Xuân Lâm, Tx.Sông Cầu, T.Phú Yên;
- (Giấy CNKH số 12/2012, đăng ký ngày 28/3/2012);
- Dương sự;
- Công thông tin điện tử TAND (nếu có);
- Lưu: hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Kim Xuyên

